TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 13/7/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Đức và ông Nguyễn Thanh Hoàng

Thư ký phiên toà: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-DS ngày 25/06/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị T, sinh năm 1959 - Địa chỉ: Thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

- Đại diện ủy quyền: Ông Võ Đăng D, sinh năm 1986 – Địa chỉ: Thôn Phước Thọ, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

* **Bị đơn**: Bà Trần Thị S, sinh năm 1978 - Địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Diệp Kim A, sinh năm 1972 - Địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Tùy có nội dung như sau:**

Ngày 04/4/2017, bà Trần Thị T cho bà Trần Thị S vay số tiền 50.000.000 đồng, với thời hạn trả nợ là 07 ngày kể từ ngày vay, lãi suất các bên thỏa thuận là 03%/tháng. Việc thỏa thuận giữa các bên có lập giấy vay tiền, có chữ ký của bà Trần Thị S và bà T đã giao đủ số tiền 50.000.000 đồng cho bà S. Đến thời hạn trả nợ, bà T nhiều lần yêu cầu bà S trả nợ gốc và lãi nhưng bà S cứ hứa hẹn, lẫn tránh và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, bà Trần Thị T khởi kiện ra Tòa án nhân nhân thị xã L để yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Thị S trả 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và phía nguyên đơn nhận thấy lãi suất các bên thỏa thuận là trái quy định pháp luật nên không yêu cầu tiền lãi vay mà chỉ yêu cầu lãi nợ quá hạn từ ngày 11/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/7/2021 (nguyên đơn chỉ yêu cầu 51 tháng) với lãi suất 2,49%/tháng, cụ thể là: 50.000.000 đồng x 2,49%/tháng x 51 tháng = 63.495.000 đồng.

*** Về phía bị đơn bà Trần Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Kim A:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà S, ông A không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân thấy đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc bà Trần Thị S – ông Diệp Kim A cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trần Thị T số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật; Về án phí: Vợ chồng bà Trần Thị S – ông Diệp Kim A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn bà Trần Thị S xuất phát từ thỏa thuận vay tài sản (các bên có lập giấy vay tiền) cho nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn có địa chỉ tại thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Trần Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Kim A vắng mặt không lý do. Riêng đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1.Về hợp đồng vay tài sản:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Trần Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Kim A không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án; phía nguyên đơn cung cấp giấy vay tiền (bản chính) để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại Giấy vay tiền đề ngày 04/7/2017 thể hiện: Tôi tên Trần Thị S, 1978 hiện thường trú tại thôn Phước Hải, xã Tân Phước. Hôm nay có vay cô T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để tất nợ ngân hàng, lãi 03%/tháng, hẹn 7 ngày sẽ hoàn trả, có chữ ký và viết tên Trần Thị S. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, đại diện nguyên đơn trình bày các bên thỏa thuận vay tiền vào năm 2017, việc ghi 2017 là nhầm lẫn và cô T là tên gọi khác của bà Trần Thị T vì chồng bà T tên T. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự về vay tiền là không trái pháp luật tuy nhiên thỏa thuận về mức lãi 03%/tháng là vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn bà Trần Thị S là hợp pháp đối với khoản nợ gốc, riêng đối với khoản lãi suất là vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép nên sẽ được tính lại nếu đương sự có yêu cầu.

Theo như thỏa thuận thì sau khi hết 07 ngày kể từ ngày vay nợ (ngày 04/4/2017) thì bị đơn phải hoàn trả lại tiền cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bà S trả nợ gốc và lãi nhưng bà S cứ hứa hẹn, lẫn tránh và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn với số tiền 50.000.000 đồng, về phần lãi thì nguyên đơn nhận thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép nên không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, về lãi nợ quá hạn nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 11/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/7/2021 (nguyên đơn chỉ yêu cầu 51 tháng) với lãi suất 2,49%/tháng (1,66%/tháng x 150%), cụ thể là: 50.000.000 đồng x 2,49%/tháng x 51 tháng = 63.495.000 đồng là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

3.2.Về trách nhiệm trả nợ:

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị T thì Tòa án xác định đương sự trong vụ án gồm: Nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn bà Trần Thị S (tại Thông báo thụ lý vụ án số: 04/TB-TLVA ngày 18/01/2021). Quá trình thụ lý xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện thì Tòa án nhận thấy có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Diệp Kim A (chồng bà S) nên đã đưa ông A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tại Thông báo số: 17/TB-TA ngày 26/4/2021). Theo quy định tại khoản 4 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu tham gia tố tụng với bên bị đơn thì có quyền lợi, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 của Bộ luật này. Như vậy, ông Diệp Kim A có quyền lợi, nghĩa vụ của bị đơn.

Bà Trần Thị T yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị S – ông Diệp Kim A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi nợ quá hạn 63.495.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu trên của bà Trần Thị T không vượt quá yêu cầu khởi kiện và căn cứ quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T được chấp nhận nên vợ chồng bà Trần Thị S – ông Diệp Kim A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng bà Trần Thị S – ông Diệp Kim A cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tiền lãi nợ quá hạn 63.495.000 (sáu mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn) đồng cho bà Trần Thị T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Vợ chồng bà Trần Thị S – ông Diệp Kim A phải chịu 5.674.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/7/2021). Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn